

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
WESTERN – SAIGON BEER JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No.: **74** /2022/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán)

(Information disclosure of audited Consolidated Financial Statements in 2021)

Cần Thơ, ngày **11** tháng **3** năm 2022

Can Tho, **March 11**, 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

**To: STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM (SSC);
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX).**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: WSB
Stock code: WSB
- Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
Representative of information disclosure: Le Dang Khoa
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Type of information disclosure: 24h 72h Request Extraordinary Regular

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán. Nội dung báo cáo bao gồm:

Western – Saigon Beer Joint Stock Company discloses information of audited Consolidated financial statements in 2021 as follows:

+ Bảng cân đối kế toán;

Balance sheet;

+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;

Report on business performance;

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Statements of cash flows;

+ Thuyết minh báo cáo tài chính.

GExplanation of financial statements.

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020: Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 85,4% so với năm 2020 là do doanh thu bán hàng giảm. Công ty đã thực

hiện nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh để có thể giảm thiểu xuống mức thấp nhất ảnh hưởng nghiêm trọng từ làn sóng thứ 3 và thứ 4 của đại dịch Covid-19.

Explaining the difference in profit after tax in 2021 compared to 2020: Profit after tax in 2021 reached 85.4 % compared to 2020 because the sales revenue has decreased. The Company has made many solutions to save production and business costs to minimize to the lowest level of the serious impact from the third and fourth outbreak of the Covid-19 pandemic.

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo/ Website to publish: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

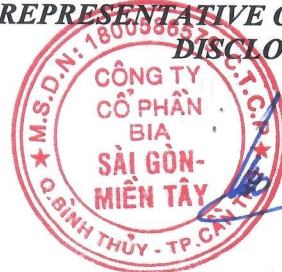
We hereby certify that the information provided above is true and bear the full responsibility to the law./.

Nơi nhận/Recipients: 

- Như trên/As above;
- Lưu HC/Saved at the Office.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

**REPRESENTATIVE OF INFORMATION
DISCLOSURE**



Lê Đăng Khoa



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5703000144 ngày 13 tháng 4 năm 2005
1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc
Ông Võ Văn Vân	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thành phố Cần Thơ, ngày 4 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



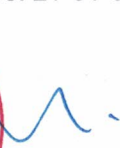
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00324-22-2




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		294.385.351.935	254.224.629.330
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	89.711.419.375	64.349.702.229
Tiền	111		131.419.375	215.702.229
Các khoản tương đương tiền	112		89.580.000.000	64.134.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.400.000.000	109.629.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	140.400.000.000	109.629.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.322.724.516	16.641.313.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	6.572.415.292	15.145.629.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		389.931.227	281.241.264
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.360.377.997	1.214.443.340
Hàng tồn kho	140	9	54.145.469.248	63.503.089.236
Hàng tồn kho	141		55.422.049.761	65.280.495.802
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.276.580.513)	(1.777.406.566)
Tài sản ngắn hạn khác	150		805.738.796	101.523.961
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		805.738.796	101.523.961

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		564.907.018.332	582.942.661.952
Tài sản cố định	220		443.504.516.884	507.771.624.979
Tài sản cố định hữu hình	221	10	443.504.516.884	507.771.624.979
Nguyên giá	222		987.447.096.238	986.632.866.175
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(543.942.579.354)	(478.861.241.196)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	11	3.650.041.629	4.963.159.470
Nguyên giá	231		9.386.489.186	12.588.185.818
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.736.447.557)	(7.625.026.348)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.416.472.493	725.663.402
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	13.416.472.493	725.663.402
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.064.533.518	53.918.112.632
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	37.783.818.118	37.782.210.432
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	13.980.715.400	16.135.902.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(c)	32.300.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.271.453.808	15.564.101.469
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.340.505.488	13.486.666.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.930.948.320	2.077.434.812
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		859.292.370.267	837.167.291.282

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		163.528.850.464	164.724.599.835
Nợ ngắn hạn	310		157.028.816.343	157.642.915.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	15.023.392.375	12.939.303.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.055.144	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	101.853.657.194	105.776.268.829
Phải trả người lao động	314		11.844.608.934	8.818.260.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.446.606.638	4.949.236.545
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.062.992.891	9.116.749.337
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	14.754.503.167	16.043.097.361
Nợ dài hạn	330		6.500.034.121	7.081.683.871
Phải trả dài hạn khác	337		69.550.000	511.050.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.430.484.121	6.570.633.871
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		695.763.519.803	672.442.691.447
Vốn chủ sở hữu	410	19	695.763.519.803	672.442.691.447
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		331.752.574.495	308.431.746.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		268.148.839.680	236.664.265.156
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		63.603.734.815	71.767.480.983
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		859.292.370.267	837.167.291.282

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	780.066.538.222	818.032.184.143
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	668.270.790.606	680.948.332.270
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		111.795.747.616	137.083.851.873
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14.410.654.820	12.568.669.467
Chi phí tài chính	22	27	187.829.834	3.311.302.326
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		178.605.863	3.630.899.886
Phần lãi trong công ty liên kết	24	7(b)	1.607.686	514.937.810
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	19.231.768.673	21.002.496.896
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + (24 - 26)}	30		106.788.411.615	125.853.659.928
Thu nhập khác	31		167.101.332	603.454.890
Chi phí khác	32		291.621.850	30.136.359
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(124.520.518)	573.318.531
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		106.663.891.097	126.426.978.459
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	8.859.921.377	14.177.679.597
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	146.486.492	(2.077.434.812)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		97.657.483.228	114.326.733.674
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	5.927	6.988

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	106.663.891.097	126.426.978.459
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	69.241.900.151	69.207.359.754
Các khoản dự phòng	03	(500.826.053)	(933.178.471)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(8.345.059.620)	(8.784.955.010)
Thu nhập từ cổ tức	05	(1.891.807.000)	(3.783.614.000)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	220.956.197	(460.136.364)
Lãi từ thanh lý các hoạt động đầu tư tài chính	05	(4.173.788.200)	-
Phần lãi trong công ty liên kết	05	(1.607.686)	(514.937.810)
Chi phí lãi vay	06	178.605.863	3.630.899.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	161.392.264.749	184.788.416.444
Biến động các khoản phải thu	09	8.296.050.211	576.768.030
Biến động hàng tồn kho	10	9.858.446.041	19.095.158.116
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	3.110.490.476	23.219.174.959
Biến động chi phí trả trước	12	(4.248.166.394)	2.123.288.671
		178.409.085.083	229.802.806.220
Tiền lãi vay đã trả	14	(178.605.863)	(3.843.021.386)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.382.488.077)	(15.798.294.975)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.903.137.921)	(11.925.606.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	155.944.853.222	198.235.882.922

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(18.415.837.782)	(9.968.995.753)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		119.090.909	602.863.637
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(196.480.000.000)	(162.878.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		133.409.000.000	182.869.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		6.328.975.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.259.405.797	15.705.145.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.779.366.076)	26.330.013.339
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		163.020.000.000	352.992.636.012
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(163.020.000.000)	(497.965.692.290)
Tiền chi trả cổ tức	36		(64.803.770.000)	(74.115.651.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.803.770.000)	(219.088.707.278)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		25.361.717.146	5.477.188.983
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		64.349.702.229	58.872.513.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	89.711.419.375	64.349.702.229

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát và nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu trực tiếp Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 205 nhân viên (1/1/2021: 211 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu định và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo luật và quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Covid-19

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và công ty con. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam trong thời gian gần đây và Ban Điều hành Công ty và các công ty con vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	95.713.000	187.113.400
Tiền gửi ngân hàng	35.706.375	28.588.829
Các khoản tương đương tiền	89.580.000.000	64.134.000.000
	<hr/>	<hr/>
	89.711.419.375	64.349.702.229
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 3,5% một năm (1/1/2021: 3,0% đến 4,6% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 5,2% một năm (1/1/2021: 3,9% đến 6,3% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021					1/1/2021				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20%	37.783.818.118	-	25.837.812.000	2.402.400	20%	37.782.210.432	-	28.108.080.000
Đơn vị khác:										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*) 1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-		(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (**)	-	-	-	-	-	145.060	0,05%	2.155.186.800	-	(*)
			<u>51.764.533.518</u>	<u>-</u>				<u>53.918.112.632</u>	<u>-</u>	

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Trong năm, Công ty đã thanh lý tất cả các khoản đầu tư vào đơn vị này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	37.782.210.432	39.669.672.622
Phần lãi trong công ty liên kết	41.607.686	514.937.810
Cổ tức được chia	-	(2.402.400.000)
Điều chỉnh phần lãi trong công ty liên kết	(40.000.000)	-
	37.783.818.118	37.782.210.432

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng nguồn vốn	Lợi nhuận thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	286.840.729.669	97.921.639.078	188.919.090.591	208.038.427
	286.840.729.669	97.921.639.078	188.919.090.591	208.038.427
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	306.015.093.336	117.104.041.172	188.911.052.164	2.574.689.051
	306.015.093.336	117.104.041.172	188.911.052.164	2.574.689.051

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 5,2% một năm (1/1/2021: không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.397.734.819	15.010.203.450
Các khách hàng khác	174.680.473	135.425.850
	<hr/>	<hr/>
	6.572.415.292	15.145.629.300
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.397.734.819	15.010.203.450
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	13.186.800	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	309.074.000	-	13.100.000	-
Nguyên vật liệu	18.037.721.927	-	22.455.190.906	-
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	5.273.024.696	(1.276.580.513)	5.798.963.974	(1.777.406.566)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.090.323.084	-	25.036.030.448	-
Thành phẩm	13.399.650.104	-	11.617.538.324	-
Hàng hóa	312.255.950	-	359.672.150	-
	<u>55.422.049.761</u>	<u>(1.276.580.513)</u>	<u>65.280.495.802</u>	<u>(1.777.406.566)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.277 triệu VND (1/1/2021: 1.777 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.777.406.566	2.390.987.477
Dự phòng trích lập trong năm	565.353.724	560.953.636
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.066.179.777)	(1.174.534.547)
Số dư cuối năm	<u>1.276.580.513</u>	<u>1.777.406.566</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	172.990.864.629	783.700.067.476	13.562.788.648	16.379.145.422	986.632.866.175
Tăng trong năm	40.209.076	267.221.228	1.758.000.000	240.000.000	2.305.430.304
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.578.474.805	628.725.303	-	-	2.207.200.108
Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.201.696.632	-	-	-	3.201.696.632
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(510.909.091)	-	-	(510.909.091)
Thanh lý	-	(6.289.600.269)	-	(99.587.621)	(6.389.187.890)
Số dư cuối năm	177.811.245.142	777.795.504.647	15.320.788.648	16.519.557.801	987.447.096.238
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	61.632.951.548	396.326.970.092	9.338.522.216	11.562.797.340	478.861.241.196
Khấu hao trong năm	8.513.400.444	57.039.015.867	1.229.180.020	1.418.483.710	68.200.080.041
Chuyển từ bất động sản đầu tư	2.930.398.901	-	-	-	2.930.398.901
Thanh lý	-	(5.949.553.163)	-	(99.587.621)	(6.049.140.784)
Số dư cuối năm	73.076.750.893	447.416.432.796	10.567.702.236	12.881.693.429	543.942.579.354
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	111.357.913.081	387.373.097.384	4.224.266.432	4.816.348.082	507.771.624.979
Số dư cuối năm	104.734.494.249	330.379.071.851	4.753.086.412	3.637.864.372	443.504.516.884

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 62.440 triệu VND (1/1/2021: 55.389 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.588.185.818
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.201.696.632)
	<hr/>
	9.386.489.186
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.625.026.348
Khấu hao trong năm	1.041.820.110
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.930.398.901)
	<hr/>
Số dư cuối năm	5.736.447.557
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.963.159.470
Số dư cuối năm	3.650.041.629
	<hr/>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	725.663.402	7.922.181.819
Tăng trong năm	15.696.987.380	7.778.176.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.207.200.108)	(14.974.694.560)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.309.887.272)	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	510.909.091	-
	13.416.472.493	725.663.402

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.622.836.647	985.338.824	878.491.186	13.486.666.657
Tăng trong năm	-	3.513.249.404	2.917.050.000	6.430.299.404
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.309.887.272	-	1.309.887.272
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(1.226.066.523)	(1.194.806.674)	(2.886.347.845)
	11.157.361.999	4.582.408.977	2.600.734.512	18.340.505.488

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.841.417.388	2.880.160.877
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.057.175.000	2.662.116.720
Công Ty TNHH Nhựa Long Thành	991.650.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.133.149.987	7.397.026.142
	15.023.392.375	12.939.303.739



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.841.417.388	2.880.160.877

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021	Số phát sinh	Số đã nộp/cán trừ	31/12/2021
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.414.146.652	720.138.334.488	(719.771.909.820)	87.780.571.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.045.626.182	8.859.921.377	(12.382.488.077)	2.523.059.482
Thuế giá trị gia tăng	11.739.502.546	149.498.741.342	(150.118.177.000)	11.120.066.888
Thuế thu nhập cá nhân	576.993.449	3.031.904.186	(3.178.938.131)	429.959.504
Thuế xuất nhập khẩu	-	11.331.105	(11.331.105)	-
Tiền thuê đất	-	950.801.201	(950.801.201)	-
Các loại thuế khác	-	40.761.037	(40.761.037)	-
	105.776.268.829	882.531.794.736	(886.454.406.371)	101.853.657.194

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Cổ tức phải trả	4.316.312.808	3.870.082.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.234.021.339	613.243.320
Phải trả khác	3.512.658.744	4.633.423.209
	9.062.992.891	9.116.749.337

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.043.097.361	14.934.879.298
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	11.713.305.806	13.000.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	(3.238.911.829)	-
Sử dụng trong năm	(9.762.988.171)	(11.891.781.937)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	14.754.503.167	16.043.097.361

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.570.633.871	6.604.458.871
Dự phòng sử dụng trong năm	(140.149.750)	(33.825.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.430.484.121	6.570.633.871

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	145.000.000.000	219.010.945.308	280.538.744.572	644.549.689.880
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	114.326.733.674	114.326.733.674
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(559.252.691)	(559.252.691)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(374.479.416)	(374.479.416)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	308.431.746.139	672.442.691.447
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	97.657.483.228	97.657.483.228
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(65.250.000.000)	(65.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(11.713.305.806)	(11.713.305.806)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	3.238.911.829	3.238.911.829
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(590.442.607)	(590.442.607)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	331.752.574.495	695.763.519.803

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: 72.500 triệu VND, (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 21.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2020: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.636.266.714	1.332.972.460
Từ hai đến năm năm	6.310.936.278	5.559.350.261
Sau năm năm	52.629.785.944	36.550.975.177
	60.576.988.936	43.443.297.898

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	1.440.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.704.683.637	1.140.642.002
	3.704.683.637	2.580.642.002

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2021	1/1/2021
Chai	Chai	1.008.063	982.066
Két	Két	33.003	31.451
		1.041.066	1.013.517

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	766.271.181.662	804.886.761.331
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.486.409.516.150</i>	<i>1.544.059.543.535</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(720.138.334.488)</i>	<i>(739.172.782.204)</i>
▪ Cung cấp dịch vụ	1.060.693.000	1.523.314.784
▪ Doanh thu khác	12.734.663.560	11.622.108.028
	<hr/>	<hr/>
	780.066.538.222	818.032.184.143
	<hr/>	<hr/>

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021	2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	664.380.676.350	679.097.297.318
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	898.962.038	1.139.924.880
▪ Giá vốn khác	3.491.978.271	1.324.690.983
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.826.053)	(613.580.911)
	<hr/>	<hr/>
	668.270.790.606	680.948.332.270
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.345.059.620	8.784.955.010
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn khác	4.173.788.200	-
Cổ tức được chia	1.891.807.000	3.783.614.000
Doanh thu tài chính khác	-	100.457
	<hr/>	<hr/>
	14.410.654.820	12.568.669.467
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	178.605.863	3.630.899.886
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(319.597.560)
Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.223.971	-
	<hr/>	<hr/>
	187.829.834	3.311.302.326
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.326.475.344	12.016.122.569
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.268.539.053	1.330.289.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	971.369.217	1.705.247.075
Chi phí quản lý khác	4.665.385.059	5.950.838.169
	<hr/>	<hr/>
	19.231.768.673	21.002.496.896
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	498.121.528.293	497.716.432.635
Chi phí nhân công và nhân viên	48.590.993.303	48.589.374.158
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.241.900.151	69.207.359.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.638.258.530	48.013.683.173
Chi phí khác	29.909.879.002	38.423.979.446
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	8.478.224.826	13.592.096.605
Dự phòng thiếu trong những năm trước	381.696.551	585.582.992
	8.859.921.377	14.177.679.597
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	146.486.492	(2.077.434.812)
	9.006.407.869	12.100.244.785

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	106.663.891.097	126.426.978.459
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.332.778.220	25.285.395.692
Chi phí không được khấu trừ thuế	200.940.906	988.099.199
Thu nhập không bị tính thuế	(378.361.400)	(756.722.800)
Ưu đãi thuế	(4.334.166.406)	(3.874.582.776)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(8.602.821.438)	(7.476.738.596)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	259.854.944	(573.354.114)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	146.486.492	(2.077.434.812)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	381.696.551	585.582.992
	9.006.407.869	12.100.244.785



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	97.657.483.228	114.326.733.674
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.713.305.806)	(13.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	85.944.177.422	101.326.733.674
	<hr/>	<hr/>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.486.490.885.150	1.544.059.543.535
Mua nguyên vật liệu	441.074.407.890	422.207.937.294
Mua công cụ, dụng cụ	-	389.750.000
Cổ tức	33.277.500.000	36.975.000.000
Giao dịch khác	567.780.000	914.399.613
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán hàng hóa	-	28.602.000
Bán nguyên vật liệu	48.296.000	52.075.500
Cung cấp dịch vụ	-	44.338.784
Cổ tức	-	2.402.400.000
Khác	56.487.760	3.653.638
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	47.952.000	-
Mua nguyên vật liệu	212.961.000	32.940.000
Cổ tức	1.891.807.000	3.783.614.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung – Trụ sở chính		
Mua công cụ dụng cụ	1.791.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	108.500.000	775.025.540
Khác	-	122.591.709
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	312.259.400	10.530.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	881.384.730	-
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	109.801.820	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua dịch vụ	850.564.924	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	127.240.000	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam		
Bán công cụ dụng cụ	9.282.000	-
Công ty Cổ Phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	112.068.000	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	130.000.000	240.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	91.000.000	203.367.575
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	203.367.575
Ông Nguyễn Văn Đồi	91.000.000	203.367.575
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	203.367.575
Ban Giám đốc		
Lương thưởng	3.421.479.508	3.764.397.141
Ban Kiểm soát		
Thù lao	621.613.065	845.268.373

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021	2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	413.420.098

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Le Đăng Khoa
Giám đốc

